

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2019/HS-ST
Ngày 25 tháng 12 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;
2. Ông Huỳnh Thanh Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hứa Thoại Khương, Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1997; nơi sinh: Huyện An Phú, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp PT, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật Giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1969; anh, chị, em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ hai; chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/10/2019 cho đến nay;

Bị cáo có mặt.

Bị hại:

1/ Ông Võ Văn T1, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp Quốc Phú, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2/ Bà Mary G1, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp Đồng Ky, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Võ Văn H, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp Quốc Phú, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

1/ Bà Lê Thị Xuân M, sinh năm 1971.

2/ Ông G2, sinh năm 1956.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 29/10/2019, sau khi đến tiệm Net “Anh Thu” ngụ ấp Đồng Ky, xã Quốc Thái, huyện An Phú chơi game xong, Nguyễn Văn T một mình đi bộ về nhà. Trên đường đi ngang qua ấp Quốc Phú, xã Quốc Thái, huyện An Phú T phát hiện 01 xe mô tô biển kiểm soát 67M4 – 8972 của anh Võ Văn T1 đang đậu trong nhà, không người trông giữ, liền nảy sinh ý định chiếm đoạt. Để thực hiện, T lén lút đến gần mở chốt cửa rào (cửa không khóa), đột nhập vào lấy trộm xe mô tô 67M4 – 8972, rồi nhanh chóng điều khiển xe tẩu thoát. Đi được một đoạn, T dừng lại kiểm tra xe mô tô vừa chiếm đoạt, biết đây là xe do Trung Quốc sản xuất có giá trị không cao, nên nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô khác có giá trị cao hơn. Lúc này, T điều khiển xe chạy về lại ấp Đồng Ky, xã Quốc Thái, huyện An Phú, dựng xe bên lề đường, sau đó đi bộ đến nhà chị Mary G1 lên vào nhà lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH Model, biển kiểm soát 67G1 – 414.55 của chị G1, nhưng bị chị Lê Thị Xuân M (em của chị Mary G1) phát hiện truy hô, thì T bỏ chạy và để lại 02 xe tại hiện trường.

Ngay lúc này, chị M đến nhờ Ông G2 (là hàng xóm) điện thoại trình báo cho Công an xã Quốc Thái. Lực lượng Công an đến hiện trường xác minh sự việc, tổ chức truy tìm và bắt giữ được T. Tại Công an xã Quốc Thái T khai nhận toàn bộ hành vi lấy trộm, như nội dung vụ án.

Căn cứ Kết luận về việc định giá tài sản số 1174/KL.ĐGTSTTHS ngày 05/11/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang, xác định:

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 67M4 – 8972, số máy 00122546, số khung 122546 màu sơn đỏ - đen do Trung Quốc sản xuất, có giá trị: 3.500.000 đồng.

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 67G1 – 414.55, số máy JF51E0831084, số khung RLHJF5131GZ215093, có giá trị: 54.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá: 57.500.000 đồng.

Ngày 31/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện An Phú ban hành lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn T. Đến ngày 06/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện An Phú ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, lệnh tạm giam đối với Nguyễn Văn T về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”.

Cáo trạng số 58/VKS-HS.TA ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày:

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ; gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, trị an tại địa phương. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị 54.000.000 (năm mươi bốn triệu) đồng nên thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bị cáo có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) nên đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Từ các căn cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52,

Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 (ahi) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù;

Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, bị hại ông Võ Văn Thai, bà Mary Giâm đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu khác nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị giao trả cho bị cáo 01 (một) áo khoác vải màu xanh rêu, có in dòng chữ “Wrttee boold 55”, đã qua sử dụng; 01 (một) áo thun ngắn tay, cổ tròn màu xanh, có in dòng chữ “adidas”, đã qua sử dụng; 01 (một) quần vải màu đen, có in dòng chữ “Sword Art QNLINE”, đã qua sử dụng; 01 (một) nón lưỡi trai màu xanh rêu, có in dòng chữ “adidas”, đã qua sử dụng; 01 (một) ba lô màu đen, có in dòng chữ “A, D”, đã qua sử dụng do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Mặc dù, đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị hại ông Võ Văn T1, bà Mary G1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Võ Văn H, người làm chứng bà Lê Thị Xuân M, ông G2 vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, những người tham gia tố tụng này đã có lời khai thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập. Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận: Khoảng 23 giờ ngày 29/10/2019, Nguyễn Văn T trên đường đi ngang qua ấp Quốc Phú, xã Quốc Thái, huyện An Phú thì phát hiện 01 xe mô tô biển kiểm soát 67M4 – 8972 của anh Võ Văn T1

đang đậu trong nhà, không người trông giữ nên lên lút lấy trộm rồi nhanh chóng điều khiển xe tẩu thoát. Biết đây là xe Trung Quốc có giá trị không cao, nên T điều khiển xe chạy về lại ấp Đồng Ky, xã Quốc Thái, huyện An Phú, dựng xe bên lề đường, sau đó đi bộ đến nhà chị Mary G1 lên lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH Model, biển kiểm soát 67G1 – 414.55 của chị G1 nhưng bị chị Lê Thị Xuân M (em của chị Mary G1) phát hiện truy hô nên T bỏ chạy và để lại xe 67M4 – 8972 lại hiện trường.

Đối chiếu lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa với các nội dung thể hiện tại Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường cùng ngày 31/10/2019 do Cơ quan điều tra Công an huyện An Phú lập, Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 1174/KL.ĐGTSTTHS ngày 05/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang; lời khai của bị hại ông Võ Văn T1, bà Mary G1, người làm chứng bà Lê Thị Xuân M, ông G2 và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp nhau.

[3.2] Từ các căn cứ nêu trên, có cơ sở xác định, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản, lên lút chiếm đoạt của ông Võ Văn T1 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 67M4 – 8972, số máy 00122546, số khung 122546 màu sơn đỏ - đen do Trung Quốc sản xuất, có giá trị: 3.500.000 đồng và của chị Mary G1 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 67G1 – 414.55, số máy JF51E0831084, số khung RLHJF5131GZ215093, có giá trị: 54.000.000 đồng theo Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 1174/KL.ĐGTSTTHS ngày 05/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện An Phú. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị 57.500.000 đồng. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.3] Để có được tài sản, công dân phải trải qua quá trình lao động và tích lũy lâu dài mới có được. Do đó, tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân đều bị pháp luật nghiêm trị. Bị cáo đang ở độ tuổi lao động, đáng lẽ bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để tạo thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân và giúp đỡ gia đình, nhưng vì bản chất lười lao động, muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm áp dụng đối với bị cáo để phát huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bị cáo có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên sẽ xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần cùng một loại hành vi phạm tội là trộm cắp tài sản, các lần phạm tội đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

01 (một) áo khoác vải màu xanh rêu, có in dòng chữ “Wrtee boold 55”, đã qua sử dụng; 01 (một) áo thun ngắn tay, cổ tròn màu xanh, có in dòng chữ “adidas”, đã qua sử dụng; 01 (một) quần vải màu đen, có in dòng chữ “Sword Art QNLINE”, đã qua sử dụng; 01 (một) nón lưỡi trai màu xanh rêu, có in dòng chữ “adidas”, đã qua sử dụng; 01 (một) ba lô màu đen, có in dòng chữ “A, D”, đã qua sử dụng. Xét giao trả lại cho bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Võ Văn T1, bà Mary G1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu nào khác nên không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ khoản các điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1/. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

2/. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 31/10/2019 (*ngày ba mươi mốt tháng mười năm hai nghìn không trăm mười chín*).

3/. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 (một) áo khoác vải màu xanh rêu, có in dòng chữ “Wrtee boold 55”, đã qua sử dụng; 01 (một) áo thun ngắn tay, cổ tròn màu xanh, có in dòng chữ “adidas”, đã qua sử dụng; 01 (một) quần vải màu đen, có in dòng chữ “Sword Art QNLINE”, đã qua sử dụng; 01 (một) nón lưỡi trai màu xanh rêu, có in dòng chữ “adidas”, đã qua sử dụng; 01 (một) ba lô màu đen, có in dòng chữ “A, D”, đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 11 năm 2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện An Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú)

4/. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5/. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bị cáo. Bị cáo T có quyền có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện An Phú (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- UBND xã PH (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu

